TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/DS-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Hữu Long, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLST-DS, ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 774/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy uỷ quyền ngày 27 tháng 12 năm 2022); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2022 của nguyên đơn bà Bùi Thị H; tại lời khai và tại phiên toà hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn

trình bày: Xuất phát từ quan hệ quen biết với nhau nhiều năm nên vào ngày 21/12/2021 âm lịch, tức ngày 23/01/2022, vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G vay của bà Bùi Thị H số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 27/12/2021 âm lịch, tức ngày 29/01/2022, vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G vay của bà Bùi Thị H số tiền 22.000.000 đồng. Các lần vay tiền trên các bên thoả thuận lãi suất 05%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Khi vay số tiền trên có viết "Bản giao kèo" có chữ ký của bà Nguyễn Thị G. Thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G đã nhận đủ của bà H số tiền 42.000.000 đồng. Khi đến thời hạn trả nợ, bà H đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G không trả tiền vay gốc và tiền lãi. Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G trả lại cho bà H số tiền vay gốc còn nợ là 42.000.000 đồng; bà H không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà H không trình bày và không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị G vắng mặt nhưng tại lời khai bà Nguyễn Thị G trình bày: Vào tháng 11 năm 2021, vợ chồng bà có vay của bà Bùi Thị H số tiền 40.000.000 đồng để làm hồ tôm. Sau khi vay số tiền trên vợ chồng bà đã trả tiền lãi cho bà H và hiện nay chỉ còn nợ của bà H số tiền 40.000.000 đồng gốc. Nay bà Bùi Thị H yêu cầu vợ chồng bà có nghĩa vụ trả số tiền 42.000.000 đồng vay gốc, bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng gốc nhưng vì kinh tế gia đình của bà khó khăn nên bà xin trả dần hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn ông Phạm Xuân H1 đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phạm Xuân H1 vẫn không có mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn bà Bùi Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H; buộc bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả bà Bùi Thị H số tiền 42.000.000 đồng vay gốc còn nợ. Bà Bùi Thị H không yêu cầu vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G trả tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G cư trú tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị H vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên toà; bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Bùi Thị H yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả số tiền 42.000.000 đồng vay gốc; bị đơn bà Nguyễn Thị G chỉ thừa nhận vợ chồng bà có vay và hiện nay còn nợ của bà H số tiền 40.000.000 đồng gốc. Hội đồng xét xử xét thấy, chứng cứ mà nguyên đơn bà Bùi Thị H cung cấp chứng minh vào ngày 21/12/2021 âm lịch, tức ngày 23/01/2022, vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G vay của bà Bùi Thị H số tiền 20.000.000 đồng; ngày 27/12/2021 âm lịch, tức ngày 29/01/2022, vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G vay của bà Bùi Thị H số tiền 22.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị G chỉ thừa nhận vay và còn nợ của bà H số tiền 40.000.000 đồng gốc nhưng bà Nguyễn Thị G không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Ông Phạm Xuân H1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện trên của bà Bùi Thị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị H số tiền 42.000.000 đồng vay gốc. Bà Bùi Thị H không yêu cầu vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền trả nợ cho bà Bùi Thị H, cụ thể 42.000.000 đồng x 5% = 2.100.000 đồng. Nguyên đơn bà Bùi Thị H được miễn nộp án phí vì thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[5] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị H số tiền vay gốc còn nợ là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Phạm Xuân H1, bà Nguyễn Thị G phải chịu số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 30 tháng 5 năm 2023). Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh